SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TUYÊN QUANG **CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT** Số: 25/BC7N-TTBVTV	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tuyên Quang, ngày 24 tháng 6 năm 2026*

BÁO CÁO
Tình hình sinh vật gây hại cây trồng
(Từ ngày 18/6 đến ngày 24/6/2026)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

- Nhiệt độ trung bình: 32-33°C; cao nhất: 36-37°C; thấp nhất: 24-26°C.
- Độ ẩm trung bình: 80-84%; cao nhất: 86-89%; thấp nhất: 65-70%.

Nhận xét: Trong kỳ, thời tiết trên địa bàn tỉnh phổ biến ngày nắng nóng gay gắt; nhiệt độ tại khu vực vùng núi cao thường thấp hơn khoảng 3-4°C so với khu vực vùng thấp.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

Vụ	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Xuân	Chính vụ	Thu hoạch	4.663	4.663
	Muộn	Chín sáp - thu hoạch	22.270	22.553
Mùa	Sớm, chính vụ	Mạ mới gieo - 1-3 lá - xúc cấy	677	
	Sớm	Bén rễ- hồi xanh - đẻ nhánh	7.849	

b) Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
- Cây ngô Xuân	Chín sữa - chín sáp - chín thu hoạch	38.150
- Cây rau, đậu các loại	Cây con - phát triển thân lá - thu hoạch	8.722
- Cây cam	Phát triển quả	9.322
- Cây bưởi	Phát triển quả	5.292
- Cây chanh	Phát triển quả - thu hoạch	1.599
- Cây đào, lê, mận	Phát triển quả - thu hoạch	3.295
- Cây nhãn	Phát triển quả	902
- Cây chuối	Ra hoa - quả xanh - thu hoạch	2.120
- Cây chè	Ra búp - thu hái	27.993
- Cây mía	Vươn lóng	3.512,8
- Cây keo	Rừng trồng (1-5 năm)	175.909
- Cây bạch đàn	Rừng trồng (1-5 năm)	6.356
- Cây bồ đề	Rừng trồng (1-5 năm)	6.180

II. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

TT	Tên sinh vật gây hại	Mật độ sâu (c/m^2), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến
		Phổ biến	*Cao*	*Cục bộ*	
I	**Cây lúa**				
1.1	***Lúa xuân muộn (chín sáp - thu hoạch)***				
1	Rầy nâu, rầy lưng trắng	40-70	100-120		TT
2	Sâu cuốn lá nhỏ	Rải rác	1-2		T5-N-TT
3	Sâu đục thân 2 chấm	Rải rác	1-3		T2-3-N-TT
4	Bọ xít dài	Rải rác	2-3		Non-TT
5	Bệnh đạo ôn lá	Rải rác	1-2		C1-3-5
6	Bệnh đạo ôn cổ bông	Rải rác	1-2		C1-3
7	Bệnh đốm sọc vi khuẩn	Rải rác	4-5		C1-3
8	Bệnh bạc lá	Rải rác	4-5		C1-3
9	Bệnh khô vằn	Rải rác	3-4		C1-3
10	Chuột	Rải rác			
11	Nhện gié	Rải rác			
1.2	**Mạ mùa sớm, chính vụ *(mới gieo - 1- 3 lá - xúc cấy)***				
1	Rầy các loại	Rải rác	8-10	20-30	TT
2	Châu chấu	Rải rác	1-2		TT
3	Sâu cuốn lá nhỏ	Rải rác	1-2		Tuổi 1-2
4	Trưởng thành sâu đục thân 2 chấm	Rải rác		1	TT
5	Ổ trứng đục thân 2 chấm	Rải rác		1	Trứng
6	Chuột hại	Rải rác	2-3		
1.3	**Lúa mùa sớm *(bén rễ - hồi xanh – đẻ nhánh)***				
1	Ốc bươu vàng	Rải rác	2-3	5-8	N-TT
2	Rầy các loại	Rải rác	8-10		TT
3	Châu chấu	Rải rác	1-2		TT
4	Sâu cuốn lá nhỏ	Rải rác	1-2		Tuổi 1-2
5	Trưởng thành sâu đục thân 2 chấm	Rải rác		1	TT
6	Ổ trứng đục thân 2 chấm	Rải rác		1	Trứng
II	**Cây ngô vụ Xuân *(chín sữa - chín sáp - thu hoạch)***				
1	Sâu keo mùa thu	Rải rác	1-2		SN-N
2	Châu chấu tre lưng vàng	Rải rác	10-15		T4-5-TT
3	Rệp hại	Rải rác	2-4		Non-TT
4	Sâu đục bắp	Rải rác	1-2		SN
5	Bệnh đốm lá	Rải rác	3-5	6-7	C1-3-5

6	Bệnh khô vằn	Rải rác	2-4		C1-3-5
7	Chuột	Rải rác	2-3		
III	**Cây rau, đậu các loại *(cây con - phát triển thân lá - thu hoạch)***				
1	Bọ trĩ	Rải rác	2-3		N-TT
2	Nhện trắng	Rải rác	5-7		N-TT
3	Ruồi đục lá	Rải rác	1-3		N-TT
4	Sâu ăn lá	Rải rác	2-3		SN-TT
5	Rệp	Rải rác	3-6		SN-TT
6	Bệnh thán thư	Rải rác	2-3		C1-3
7	Bệnh lở cổ rễ	Rải rác	3-4		C1-3
8	Bệnh xoăn lá	Rải rác	2-3		C1-3
IV	**Cây cam *(phát triển quả)***				
1	Nhóm nhện nhỏ	Rải rác	5-7		Non-TT
2	Bọ xít xanh	Rải rác	1		Non -TT
3	Sâu vẽ bùa	Rải rác	1-2		SN
4	Rệp sáp	Rải rác	3-5		Non-TT
5	Bọ trĩ	Rải rác	2-3		Non-TT
6	Bệnh sẹo	Rải rác	3-6		C1-3-5
7	Bệnh loét	Rải rác	3-5		C1-3
8	Bệnh vàng lá, thối rễ	1-3	4-8	12-15	C3-5
9	Bệnh thán thư	Rải rác	1-3		C1
V	**Cây bưởi *(phát triển quả)***				
1	Nhóm nhện nhỏ	Rải rác	5-7		Non-TT
2	Rệp sáp	Rải rác	2-3		Non-TT
3	Sâu vẽ bùa	Rải rác	1-2		
4	Bọ trĩ	Rải rác	2-4		Non-TT
5	Bệnh sẹo	Rải rác	3-5		C1-3
6	Bệnh loét	Rải rác	3-4		C1-3
7	Bệnh vàng lá, thối rễ	Rải rác	2-3	4-6	C1-3
8	Bệnh thán thư	Rải rác	2-3		C1
VI	**Cây chanh *(phát triển quả - thu hoạch)***				
1	Nhóm nhện nhỏ	Rải rác	4-6		Non-TT
2	Bọ trĩ	Rải rác	2-3		Non-TT
3	Sâu vẽ bùa	Rải rác	2-3		
4	Rệp sáp	Rải rác	1-3		N-TT
5	Bệnh sẹo	Rải rác	3-5		C1-3
6	Bệnh loét	Rải rác	3-4		C1-3
7	Bệnh vàng lá, thối rễ	Rải rác	2-3	4-5	C1-3
8	Bệnh thán thư	Rải rác	1-3		C1-3

VII	**Cây: Đào, lê, mận *(phát triển quả - thu hoạch)***				
1	Sâu đục thân	Rải rác	1		SN-TT
2	Ruồi đục quả	Rải rác	2-4		TT
3	Rệp	Rải rác	3-5		Non-TT
4	Sâu róm	Rải rác	2-4		SN
5	Bệnh thán thư	Rải rác	1-3		C1-3
6	Bệnh nấm tua	Rải rác	4-6		C1-3-5
VIII	**Cây nhãn *(phát triển quả)***				
1	Bọ xít nâu	Rải rác	1-2		TT
2	Bệnh thán thư	Rải rác	2-3		C1
3	Bệnh chổi rồng	Rải rác	1-3		C1
IX	**Cây chuối *(ra hoa - quả xanh - thu hoạch)***				
1	Sâu đục thân *(bọ vòi voi)*	Rải rác	2-3		SN
2	Bệnh chùn ngọn	Rải rác	1-2		C1
3	Bệnh đốm lá	Rải rác	5-6		C1-3-5
4	Bệnh héo rũ Panama	Rải rác	1-3		C1-3
X	**Cây chè *(ra búp - thu hái)***				
1	Bọ xít muỗi	Rải rác	4-5	6-8	Non-TT
2	Rầy xanh	Rải rác	3-4	6-8	Non-TT
3	Bọ cánh tơ	Rải rác	3-5	8-10	Non-TT
4	Nhện đỏ	Rải rác	3-7	8-10	Non-TT
5	Bệnh chấm xám	Rải rác	1-3		C1-3
6	Bệnh thối búp	Rải rác	2-4		C1
XI	**Cây mía *(vươn lóng)***				
1	Bọ hung	Rải rác	1		T1-3-N
2	Rệp sáp	Rải rác	1-2		Non-TT
3	Sâu đục thân	Rải rác	1-2		SN
4	Bệnh than đen	Rải rác	1-2		C1
5	Bệnh trắng lá	Rải rác	2-3		C1-3
XII	**Cây keo *(rừng trồng 1 - 5 năm)***				
1	Sâu ăn lá	Rải rác	1-2		Non
2	Bệnh chết héo	Rải rác	2-3		C1-3
3	Bệnh phấn trắng	Rải rác	2-4		C1-3
XIII	**Cây bạch đàn *(rừng trồng 1 - 5 năm)***				
1	Bệnh đốm lá, khô cành	Rải rác	4-6		C1-3
XIV	**Cây bồ đề, tre, nứa vầu (*rừng trồng 1 - 5 năm)***				
1	Sâu xanh ăn lá bồ đề	Rải rác			
2	Châu chấu tre lưng vàng (tre, nứa, vầu)		10-20		T5-TT

2. Diện tích nhiễm sinh vật gây hại chủ yếu

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			
I	**Cây lúa**							
1	Ốc bươu vàng	47	3	0	0	**50**	50	Các xã, phường: Sơn Thủy, Sơn Dương, Bình Ca, Hồng Sơn, Yên Sơn, Nhữ Khê; An Tường, Chiêm Hoá, Yên Lập, Hoà An, Tân An, Yên Nguyên, Hàm Yên, Bình Xa, Thái Hoà
II	**Cây cam**							
1	Bệnh vàng lá, thối rễ	38	4	0	0	**42**	39	Các xã: Phù Lưu, Hàm Yên, Yên Phú, Bạch Xa, Hùng An, Vĩnh Tuy, Đồng Yên, Tiên Yên, Bằng Lang
III	**Cây chè**							
1	Rầy xanh	20,3	0	0	0	**20,3**	15,3	Các xã, phường: Mỹ Lâm, An Tường, Sơn Dương, Yên Sơn, Bằng Hành
2	Bọ cánh tơ	34	0	0	0	**34**	29	Các xã: Mỹ Lâm, An Tường, Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Thái Hoà, Thái Sơn
3	Bọ xít muỗi	0,2	0	0	0	**0,2**	0,2	Xã Bằng Hành
4	Nhện đỏ	20	0	0	0	**20**	10	Các xã, phường: Mỹ Lâm, An Tường, Sơn Dương, Yên Sơn

3. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

3.1. Cây lúa

3.1.1. Lúa xuân muộn (chín sáp - thu hoạch)

- Rầy nâu, rầy lưng trắng gây hại mật độ phổ biến 40-70 con/m^2, nơi cao 100-120 con/m^2.

- Sâu cuốn lá nhỏ gây hại rải rác, nơi cao 1-2 con/m^2. Trưởng thành cuốn lá nhỏ vũ hoá rải rác.

- Sâu đục thân 2 chấm gây hại rải rác, nơi cao 1-3% số dảnh.

- Bọ xít dài gây hại rải rác, nơi cao 2-3 con/m^2.

- Bệnh đạo ôn lá gây hại rải rác, nơi cao 1-2% số lá.

- Bệnh đạo ôn cổ bông gây hại rải rác, nơi cao 1-2%.

- Bệnh đốm sọc vi khuẩn gây hại rải rác, nơi cao 4-5% số lá.

- Bệnh bạc lá gây hại rải rác, nơi cao 4-5% số lá.

- Bệnh khô vằn gây hại rải rác, nơi cao 3-4%.

- Chuột gây hại rải rác.

- Nhện gié gây hại rải rác.

3.1.2. Mạ mùa sớm, chính vụ (mới gieo - 1 - 3 lá - xúc cấy)

- Rầy các loại gây hại rải rác, nơi cao 8-10 con/m^2, cục bộ 20-30 con/m^2.
- Châu chấu gây hại rải rác, nơi cao 1-2 con/m^2.
- Sâu cuốn lá nhỏ gây hại rải rác, nơi cao 1-2 con/m^2.
- Trưởng thành sâu đục thân 2 chấm rải rác, cục bộ 1 con/m^2.
- Ổ trứng đục thân 2 chấm xuất hiện rải rác, cục bộ 1 ổ/m^2.
- Chuột hại rải rác, nơi cao 2-3% số dảnh.

3.1.3. Lúa mùa sớm (bén rễ - hồi xanh - đẻ nhánh)

- Ốc bươu vàng gây hại rải rác, mật độ nơi cao 2-3 con/m^2, cục bộ 5-8 con/m^2. Diện tích nhiễm 50 ha, phân bố tại các xã, phường: Sơn Thủy, Sơn Dương, Bình Ca, Hồng Sơn, Yên Sơn, Nhữ Khê; An Tường, Chiêm Hoá, Yên Lập, Hoà An, Tân An, Yên Nguyên, Hàm Yên, Bình Xa, Thái Hoà.
- Rầy các loại gây hại rải rác, nơi cao 8-10 con/m^2, cục bộ 20-30 con/m^2.
- Châu chấu gây hại rải rác, nơi cao 1-2 con/m^2.
- Sâu cuốn lá nhỏ gây hại rải rác, nơi cao 1-2 con/m^2.
- Trưởng thành sâu đục thân 2 chấm gây hại rải rác, cục bộ 1 con/m^2.
- Ổ trứng đục thân 2 chấm rải rác, cục bộ 1 ổ/m^2

3.2. Cây ngô vụ Xuân (Chín sữa- chín sáp - thu hoạch)

- Sâu keo mùa thu gây hại rải rác, nơi cao 1-2 con/m^2.
- Châu chấu tre lưng vàng gây hại cục bộ, mật độ nơi cao 10-15 con/m^2 tại xã Yên Hoa.
- Rệp hại rải rác, nơi cao 2-4% số cây.
- Sâu đục bắp gây hại rải rác, nơi cao 1-2% số cây.
- Bệnh đốm lá rải rác, nơi cao 3-5%, cục bộ 6-7% số lá.
- Bệnh khô vằn gây hại rải rác, nơi cao 2-4% số cây.
- Chuột gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số cây.

3.3. Cây rau, đậu các loại (cây con - phát triển thân lá - thu hoạch)

- Bọ trĩ gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số cây.
- Nhện trắng gây hại trên cây cà chua, tỷ lệ hại nơi cao 5-7% số cây.
- Ruồi đục lá gây hại trên cây cà chua Xuân muộn, tỷ lệ hại nơi cao 1-3% số lá.
- Sâu ăn lá gây hại rải rác, nơi cao 2-3 con/m^2.
- Rệp gây hại rải rác, nơi cao 3-6% số cây.
- Bệnh thán thư gây hại trên cây ớt rải rác, nơi cao 2-3% số lá, số quả.
- Bệnh lở cổ rễ gây hại rải rác, nơi cao 3-4% số cây.
- Bệnh xoăn lá gây hại trên cây cà chua, nơi cao 2-3% số cây.

3.4. Cây cam (phát triển quả)

- Nhóm nhện nhỏ (nhện đỏ, nhện trắng, nhện rám vàng) gây hại, tỷ lệ hại nơi cao 5-7% số lá, số quả.

- Bọ xít xanh gây hại rải rác, nơi cao 1 con/cành.

- Sâu vẽ bùa gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 1-2% số lá, số lộc.

- Rệp sáp gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số lá, số quả.

- Bọ trĩ gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số quả.

- Bệnh sẹo gây hại rải rác, nơi cao 3-6% số lá, số quả.

- Bệnh loét gây hại rải rác, nơi cao 3-5% số lá, số quả.

- Bệnh vàng lá, thối rễ (do bệnh greening, nấm...) gây hại phổ biến 1-3%, nơi cao 4-8%, cục bộ 12-15% số cây. Diện tích nhiễm 42 ha tại các xã: Phù Lưu, Hàm Yên, Yên Phú, Bạch Xa, Hùng An, Vĩnh Tuy, Đồng Yên, Tiên Yên, Bằng Lang.

- Bệnh thán thư gây hại rải rác, tỷ lệ nơi cao 1-3% số lá, số quả.

3.5. Cây bưởi (phát triển quả)

- Nhóm nhện nhỏ (nhện đỏ, nhện trắng, nhện rám vàng) gây hại, nơi cao 5-7% số lá.

- Rệp sáp gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 2-3% số lá.

- Sâu vẽ bùa gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 1-2% số lá, số lộc.

- Bọ trĩ gây hại rải rác, nơi cao 3-4% số quả.

- Bệnh loét, bệnh sẹo gây hại, nơi cao 3-5% số lá.

- Bệnh vàng lá, thối rễ (do bệnh greening, nấm...) gây hại, nơi cao 2-3% số cây, cục bộ 4-6% số cây.

- Bệnh thán thư gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số lá.

3.6. Cây chanh (phát triển quả - thu hoạch)

- Nhóm nhện nhỏ (nhện đỏ, nhện trắng, nhện rám vàng) gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 4-6% số lá.

- Bọ trĩ gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số quả.

- Sâu vẽ bùa gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 2-3% số lá, số lộc.

- Rệp sáp gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 1-3% số lá, số quả.

- Bệnh loét, bệnh sẹo gây hại, nơi cao 2-5% số lá.

- Bệnh vàng lá, thối rễ (do bệnh greening, nấm...) gây hại, nơi cao 2-3% số cây, cục bộ 4-5% số cây.

- Bệnh thán thư gây hại, nơi cao 1-3% số lá, số quả.

3.7. Cây: Đào, lê, mận (phát triển quả - thu hoạch)

- Sâu đục thân gây hại rải rác, nơi cao 1% số cây.

- Ruồi đục quả gây hại rải rác, nơi cao 2-4 con/cây.

- Rệp gây hại rải rác, nơi cao 3-5% số cây.

- Sâu róm gây hại rải rác, nơi cao 2-4 con/cây.

- Bệnh thán thư gây hại, nơi cao 1-3% số lá.

- Bệnh nấm tua gây hại rải rác, nơi cao 4-6% số lá.

3.8. Cây nhãn (phát triển quả)

- Bọ xít nâu gây hại rải rác, nơi cao 1-2 con/cành.

- Bệnh thán thư gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số lá, cành.

- Bệnh chổi rồng gây hại rải rác, nơi cao 1-3% số cành.

3.9. Cây chuối (ra hoa - quả xanh - thu hoạch)

- Sâu đục thân (bọ vòi voi) gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số cây.

- Bệnh đốm lá gây hại rải rác, nơi cao 5-6% số lá.

- Bệnh chùn ngọn, bệnh héo rũ Panama gây hại rải rác, nơi cao 1-3% số cây.

3.10. Cây chè (ra búp - thu hái)

- Bọ xít muỗi gây hại rải rác, nơi cao 4-5%, cục bộ 6-8% số búp. Diện tích nhiễm 0,2 ha tại xã Bằng Hành.

- Rầy xanh gây hại rải rác, nơi cao 3-4% số búp, cục bộ 6-8% số búp. Diện tích nhiễm 20,3 ha, tại các xã, phường: Mỹ Lâm, An Tường, Sơn Dương, Yên Sơn, Bằng Hành.

- Bọ cánh tơ gây hại rải rác, nơi cao 3-5%, cục bộ 8-10% số búp. Diện tích nhiễm 34 ha tại các xã, phường: Mỹ Lâm, An Tường, Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Thái Hoà, Thái Sơn.

- Nhện đỏ gây hại rải rác, nơi cao 3-7%, cục bộ 8-10% số lá. Diện tích nhiễm 20 ha tại các xã, phường: Mỹ Lâm, An Tường, Sơn Dương, Yên Sơn.

- Bệnh chấm xám gây hại rải rác, nơi cao 1-3% số lá.

- Bệnh thối búp gây hại rải rác, nơi cao 2-4% số búp.

3.11. Cây mía (vươn lóng)

- Bọ hung gây hại rải rác, cục bộ 1 con/hố.

- Rệp sáp gây hại rải rác, nơi cao 1-2% số cây.

- Sâu đục thân gây hại rải rác, nơi cao 1-2% số cây.

- Bệnh than đen gây hại rải rác, nơi cao 1-2% số cây.

- Bệnh trắng lá gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số lá.

3.12. Cây keo (rừng trồng 1 - 5 năm)

- Sâu ăn lá gây hại rải rác, nơi cao 1-2% số lá.

- Bệnh chết héo gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số cây.

- Bệnh phấn trắng gây hại rải rác, nơi cao 2-4% số lá.

3.13. Cây bạch đàn (rừng trồng 1 - 5 năm)

Bệnh đốm lá, khô cành gây hại rải rác, nơi cao 4-6% số cây.

3.14. Cây bồ đề, tre, nứa, vầu (rừng trồng 1 - 5 năm)

- Sâu xanh ăn lá bồ đề gây hại rải rác.

- Châu chấu tre lưng vàng tiếp tục gây hại cục bộ trên cây tre, nứa, vầu, mật độ nơi cao 10-20 con/m^2 tại xã Yên Hoa.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG 7 NGÀY TỚI

1. Cây lúa

1.1. Mạ mùa sớm và chính vụ (mới gieo, 1 - 3 lá - xúc cấy)

- Rầy các loại gây hại rải rác, nơi cao 8-10 con/m^2, cục bộ 20-35 con/m^2.

- Châu chấu gây hại rải rác, nơi cao 2-3 con/m^2.

- Sâu cuốn lá nhỏ gây hại rải rác, nơi cao 1-2 con/m^2.

- Sâu đục thân 2 chấm gây hại rải rác, cục bộ 1 con/m^2.

- Chuột hại rải rác, nơi cao 2-3% số dảnh.

- Bệnh thối nhũn gây hại rải rác, nơi cao 1-2% số dảnh.

1.2. Lúa mùa sớm (bén rễ - hồi xanh - đẻ nhánh)

- Ốc bươu vàng gây hại rải rác, mật độ nơi cao 2-3 con/m^2, cục bộ 5-8 con/m^2.

- Rầy các loại gây hại rải rác, nơi cao 6-7 con/m^2, cục bộ 20-35 con/m^2.

- Châu chấu gây hại rải rác, nơi cao 1-2 con/m^2.

- Sâu cuốn lá nhỏ gây hại rải rác, nơi cao 1-2 con/m^2.

- Trưởng thành sâu đục thân 2 chấm gây hại rải rác, cục bộ 1 con/m^2.

- Sâu cuốn lá nhỏ rải rác, nơi cao 2-3 con/m^2.

- Ổ trứng đục thân 2 chấm rải rác, nơi cao 1 ổ/m^2

2. Cây ngô vụ Xuân *(chín sáp - thu hoạch)*

- Châu chấu tre lưng vàng tiếp tục di chuyển từ rừng có tre, nứa, vầu gây hại cục bộ tại xã Yên Hoa, mật độ nơi cao 10-15 con/m^2.

- Rệp hại rải rác, nơi cao 2-3% số cây.

- Sâu đục bắp hại rải rác, nơi cao 1-3% số cây.

- Bệnh đốm lá rải rác, nơi cao 6-8% số lá.

- Bệnh khô vằn gây hại rải rác, nơi cao 4-6% số cây.

- Chuột gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số cây.

4. Cây rau, đậu các loại *(cây con - phát triển thân lá - thu hoạch)*

- Bọ trĩ gây hại rải rác, nơi cao 2-5% số cây.

- Nhện trắng gây hại trên cây cà chua, tỷ lệ hại nơi cao 4-6% số cây.

- Ruồi đục lá gây hại trên cây cà chua Xuân muộn, tỷ lệ hại nơi cao 2-3% số lá.

- Sâu ăn lá gây hại rải rác, nơi cao 2-4 con/m^2.

- Rệp gây hại rải rác, nơi cao 3-5% số cây.

- Bệnh thán thư gây hại trên cây ớt rải rác, nơi cao 3-5% số lá, số quả.

- Bệnh lở cổ rễ gây hại rải rác, nơi cao 3-5% số cây.

- Bệnh xoăn lá gây hại trên cây cà chua, nơi cao 2-3% số cây.

5. Cây cam *(phát triển quả)*

- Nhóm nhện nhỏ (nhện đỏ, nhện trắng, nhện rám vàng) gây hại, tỷ lệ hại nơi cao 5-7% số lá, số quả.

- Bọ xít xanh gây hại rải rác, nơi cao 1 con/cành.

- Sâu vẽ bùa gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 1-3% số lá, số lộc.

- Rệp sáp gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 4-6% số lá, số quả.

- Bọ trĩ gây hại rải rác, nơi cao 1-2% số quả.

- Bệnh loét, bệnh sẹo gây hại, nơi cao 4-7% số lá.

- Bệnh vàng lá, thối rễ (do bệnh greening, nấm...) gây hại phổ biến 1-3%, nơi cao 4-5%, cục bộ 12-15% số cây.

- Bệnh thán thư gây hại rải rác, nơi cao 1-3% số lá, số quả.

6. Cây bưởi *(phát triển quả)*

- Nhóm nhện nhỏ (nhện đỏ, nhện trắng, nhện rám vàng) gây hại, nơi cao 5-7% số lá.

- Rệp sáp gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 2-4% số lá.

- Sâu vẽ bùa gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 2-3% số lá, số lộc.

- Bọ trĩ gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số quả.

- Bệnh loét, bệnh sẹo gây hại, nơi cao 3-6% số lá.

- Bệnh vàng lá, thối rễ (do bệnh greening, nấm...) gây hại, nơi cao 1-3%, cục bộ 4-6% số cây.

- Bệnh thán thư gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số lá.

7. Cây chanh *(phát triển quả - thu hoạch)*

- Nhóm nhện nhỏ (nhện đỏ, nhện trắng, nhện rám vàng) gây hại rải rác, nơi cao 5-6% số lá.

- Bọ trĩ gây hại rải rác, nơi cao 1-3% số quả.

- Sâu vẽ bùa gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 2-3% số lá, số lộc.

- Rệp sáp gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 2-3% số lá, số quả.

- Bệnh loét, bệnh sẹo gây hại, nơi cao 3-5% số lá.

- Bệnh vàng lá, thối rễ (do bệnh greening, nấm...) gây hại, nơi cao 2-3%, cục bộ 4-5% số cây.

- Bệnh thán thư gây hại, nơi cao 2-3% số lá, số quả.

8. Cây: Đào, lê, mận *(phát triển quả - thu hoạch)*

- Sâu đục thân gây hại rải rác, nơi cao 1-2% số cây.

- Ruồi đục quả gây hại rải rác, nơi cao 2-4 con/cây.

- Rệp gây hại rải rác, nơi cao 4-6% số cây.

- Sâu róm gây hại rải rác, nơi cao 2-4 con/cây.
- Bệnh thán thư gây hại, nơi cao 1-3% số lá.
- Bệnh nấm tua gây hại rải rác, nơi cao 4-6% số lá.
- Bệnh chảy gôm gây hại, nơi cao 1-2% số cành, số quả.

9. Cây nhãn *(phát triển quả)*

- Bọ xít nâu gây hại rải rác, nơi cao 2-3 con/cành.
- Bệnh thán thư gây hại rải rác, nơi cao 2-4% số lá, cành.
- Bệnh chổi rồng gây hại rải rác, nơi cao 1-3% số lá, số cành.

10. Cây chuối *(ra hoa - quả xanh - thu hoạch)*

- Sâu đục thân (bọ vòi voi) gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số cây.
- Bệnh đốm lá gây hại, nơi cao 5-7% số lá.
- Bệnh chùn ngọn, bệnh héo rũ Panama gây hại rải rác, nơi cao 1-3% số cây.

11. Cây chè *(ra búp - thu hái)*

- Bọ xít muỗi gây hại rải rác, nơi cao 4-5%, cục bộ 8-10% số búp.
- Rầy xanh gây hại rải rác, nơi cao 3-5% số búp, cục bộ 9-10% số búp.
- Bọ cánh tơ gây hại rải rác, nơi cao 3-5%, cục bộ 8-10% số búp.
- Nhện đỏ gây hại rải rác, nơi cao 3-7%, cục bộ 8-10% số lá.
- Bệnh chấm xám gây hại, nơi cao 2-5% số lá.
- Bệnh thối búp gây hại, nơi cao 2-4% số búp.

12. Cây mía *(vươn lóng)*

- Bọ hung gây hại cục bộ nơi cao 1-2 con/hố.
- Rệp sáp gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số cây.
- Sâu đục thân gây hại rải rác, nơi cao 1-3% số cây.
- Bệnh than đen gây hại, nơi cao 1-2% số cây.
- Bệnh trắng lá gây hại rải rác, nơi cao 3-5% số lá.

13. Cây keo *(rừng trồng 1 - 5 năm)*

- Sâu ăn lá gây hại rải rác, nơi cao 3-5% số lá, số cây.
- Bệnh chết héo gây hại rải rác, nơi cao 2-4% số cây.
- Bệnh phấn trắng gây hại rải rác, nơi cao 3-5% số lá, số cây.

14. Cây bạch đàn *(rừng trồng 1 - 5 năm)*

- Bệnh đốm lá, khô cành gây hại rải rác, nơi cao 4-6% số cây.

15. Cây bồ đề, tre, nứa, vầu *(rừng trồng 1 - 5 năm)*

- Sâu xanh ăn lá bồ đề gây hại rải rác.
- Châu chấu tre lưng vàng gây hại cục bộ trên cây tre, nứa, vầu, mật độ nơi cao 10-20 con/m^2 tại xã Yên Hoa.

IV. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

Đề nghị các Trạm Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật khu vực chủ động phối hợp với các đơn vị chuyên môn cấp xã thực hiện:

- Đôn đốc, hướng dẫn nhân dân chăm sóc cây trồng đúng kỹ thuật nhằm tạo điều kiện cho cây sinh trưởng, phát triển tốt, tăng khả năng chống chịu với sâu bệnh hại và điều kiện thời tiết bất thuận. Duy trì đủ độ ẩm cho mạ mùa khi có nắng nóng kéo dài cần có biện pháp che phủ, chống nắng cho mạ mới gieo.

- Bám sát địa bàn, thường xuyên kiểm tra đồng ruộng để kịp thời phát hiện sâu, bệnh hại và hướng dẫn nhân dân biện pháp phòng trừ hiệu quả. Chú ý các đối tượng sâu bệnh hại chính:

+ Rầy nâu - rầy lưng trắng, ốc bươu vàng, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, bệnh nghẹt rễ, bệnh thối nhũn, chuột hại trên mạ mùa và lúa mùa mới cấy.

+ Châu chấu tre lưng vàng, chuột, bệnh đốm lá, khô vằn trên cây ngô.

+ Rệp, bệnh lở cổ rễ, thán thư... trên cây rau, đậu.

+ Nhóm nhện nhỏ, bệnh sẹo, loét, vàng lá thối rễ... trên cây cam, bưởi, chanh.

+ Sâu đục thân, ruồi đục quả, bệnh chảy gôm… trên cây đào, lê, mận.

+ Bệnh đốm lá, héo rũ trên cây chuối.

+ Rầy xanh, nhện đỏ, bọ xít muỗi, bệnh phồng lá, đốm lá… trên cây chè.

+ Bọ hung, sâu đục thân, bệnh than đen, rệp sáp… trên cây mía.

+ Sâu ăn lá, bệnh chết héo, bệnh phấn trắng trên cây keo.

+ Bệnh đốm lá, khô cành trên cây bạch đàn.

+ Sâu xanh ăn lá bồ đề; châu chấu tre lưng vàng.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Nguyễn Thành Long

Nơi nhận:
- TT Trồng trọt và BVTV phía Bắc;
- Thống kê tỉnh Tuyên Quang; (Báo cáo)
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND các xã, phường;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Văn phòng Sở (đăng tải trang TTĐT);
- Các phòng, Trạm BV&KDTV khu vực;
- Chi cục trưởng; (báo cáo)
- Các Phó Chi cục trưởng;
- Lưu: VT, BVKDTV.

DIỆN TÍCH NHIỄM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG

(Từ ngày 18/6 đến ngày 24/6/2026)

STT	Tên sinh vật gây hại	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	Mất trắng		Kỳ trước	CKNT		
I	**Cây lúa**									
1	Ốc bươu vàng	47	3	0	0	**50**	*+3*	*+47*	**50**	Các xã, phường: Sơn Thủy, Sơn Dương, Bình Ca, Hồng Sơn, Yên Sơn, Nhữ Khê; An Tường, Chiêm Hoá, Yên Lập, Hoà An, Tân An, Yên Nguyên, Hàm Yên, Bình Xa, Thái Hoà
II	**Cây cam**									
1	Bệnh vàng lá, thối rễ	38	4	0	0	**42**	*0*	*+7*	**39**	Các xã: Phù Lưu, Hàm Yên, Yên Phú, Bạch Xa, Hùng An, Vĩnh Tuy, Đồng Yên, Tiên Yên, Bằng Lang
III	**Cây chè**									
1	Rầy xanh	20,3	0	0	0	**20,3**	*16,1*	*+1,38*	**15,3**	Các xã, phường: Mỹ Lâm, An Tường, Sơn Dương, Yên Sơn, Bằng Hành
2	Bọ cánh tơ	34	0	0	0	**34**	*26,5*	+21,5	**29**	Các xã: Mỹ Lâm, An Tường, Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Thái Hoà, Thái Sơn
3	Bọ xít muỗi	0,2	0	0	0	**0,2**	*0*	*+0,2*	**0,2**	Xã Bằng Hành
4	Nhện đỏ	20	0	0	0	**20**	*20*	*+20*	**10**	Các xã, phường: Mỹ Lâm, An Tường, Sơn Dương, Yên Sơn